

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 299, 317, 318, 323 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ quốc hội;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Nay hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L1 – Chuyên viên Chuyên viên tố tụng- Khối QL&TCTTS (Theo Giấy uỷ quyền số 9325/UQ-PVB ngày 06/5/2024).

* Bị đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Q, Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thạch T – Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn L1 đại diện ngân hàng TMCP Đ và ông Huỳnh Thạch T đại diện Công ty TNHH X thống nhất hiện nay Công ty TNHH X còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22/8/2024 tổng cộng là 316.972.769 đồng (Ba trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó: số tiền vay gốc là 249.284.479 đồng; Lãi trong

hạn 39.497.890 đồng; Lãi trên gốc quá hạn 24.902.114 đồng; lãi chậm trả 3.288.286 đồng).

- Ông Nguyễn Văn L1 và ông Huỳnh Thạch t thống nhất cách trả nợ như sau:

+ Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 316.972.769 vào ngày 30/8/2024;

Công ty TNHH X phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 2407/2019/HĐTD/PVB-DD ký ngày 24/07/2019 kể từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

+ Trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2407/2019/HĐBĐ/PVB-DD ký ngày 24/07/2019 (là xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại Trailblazer, màu xám, 07 chỗ ngồi, số khung: MMM156EL0KH642393, số máy: LKHG183311166, BKS: 77A-138.93, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032979 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 23/07/2019 cho Công ty TNHH X) để thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đ

+ Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH X các giấy tờ, tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2407/2019/HĐBĐ/PVB-DD ký ngày 24/07/2019, ngay sau khi Công ty TNHH X1 Hội trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Án phí KDTMST: Ông Nguyễn Văn L1 và Huỳnh Thạch T thỏa thuận, Công ty TNHH X chịu theo quy định của pháp luật là 7.924.000 đồng (Bảy triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001057 ngày 05/6/2024 của chi cục Thi hành án dân sự tp. Quy Nhơn.

- Chi phí xem xét thẩm định tài sản bảo đảm: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí thẩm định xem xét tại chỗ tài sản bảo đảm là: 5.000.000 đồng và đã chi hết, ông Nguyễn Văn L1 và ông Huỳnh Thạch T thỏa thuận Công ty TNHH X chịu; Công ty TNHH X có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ 5.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Thân Trọng Hiền

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự
thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:.../.../TLST-.....⁽³⁾

ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.⁽⁴⁾

.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)